TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **187**/2023/HS-PT
Ngày 07-9-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Đức

Ông Trương Công Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thê – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 181/2023/TLPT-HS ngày 25 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Đỗ Thị Thu H. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2023/HS-ST ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo: Họ và tên: **Đỗ Thị Thu H**; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1983. Nơi sinh: tỉnh Quảng Trị. Nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kế toán. Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Đỗ Minh Đ, sinh năm 1932 (đã chết) và con bà Lê Thị P, sinh năm 1943, cùng cư trú tại xã H, huyện L, tỉnh Quảng Trị. Gia đình bị cáo có 04 chị em ruột, bị cáo là con thứ 04. Bị cáo có chồng là ông Hoàng Anh T, sinh năm 1976 và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010, cùng cư trú tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Duy N, sinh năm 1960, cư trú tại xã H, huyện P là đồng nghiệp (giáo viên) và là hàng xóm với bà Vũ Thị H1, sinh năm 1964, nên nhiều lần nhờ bà H1 tìm cách xin việc dạy học biên chế tại huyện P cho Trần Thị Thu H2 (là cháu của ông N), sinh năm 1995, cư trú tại thôn 7, xã K, huyện C, thì bà H1 đồng ý

giúp. Do quen biết từ trước nên bà H1 nhờ Đỗ Thị Thu H xin việc theo nguyện vọng của gia đình ông N thì H đồng ý nên bà H1 nói gia đình ông N đến gặp H.

Vào khoảng giữa năm 2016, bà H1 dẫn ông N và Nguyễn Thị Đ, (tên gọi khác là H3, là mẹ của H2) sinh năm 1973 đến nhà H ở thị trấn A, huyện P để nhờ xin việc làm giáo viên cho H2 thì H nói có thể xin được việc cho con bà Đ và yêu cầu bà Đ đưa số tiền 220.000.000 đồng để H lo xin việc. Bà Đ đưa trước cho H 100.000.000 đồng thì H viết giấy nhận tiền. Đến ngày 30/6/2016, bà Đ tiếp tục đến nhà đưa cho H 120.000.000 đồng. Lúc này, H viết giấy nhận tiền của bà Đ với tổng số tiền 220.000.000 đồng (gồm cả số tiền 100.000.000 đồng H đã nhận trước đó). Khoảng cuối năm 2017, gần đến đợt thi tuyển công chức ngành giáo dục huyện P, bà Đ tự nguyên đưa thêm 20.000.000 đồng cho H để lo việc cho H2 thi. H2 đã thi tuyển giáo viên năm 2018 tại huyện P nhưng không trúng tuyển nên bà Đ đã nhiều lần yêu cầu H trả lại tiền nhưng không được nên làm đơn tố cáo H lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Kết quả điều tra thể hiện Đỗ Thị Thu H là kế toán trường trung học cơ sở A, huyện P. H không có chức năng, nhiệm vụ gì trong việc tuyển dụng của ngành giáo dục huyện P. H không tham gia tổ chức môi giới, giới thiệu việc làm nào và không có khả năng xin được việc làm giáo viên cho con bà Đ như đã cam kết. Sau khi nhận 240.000.000 đồng, H đã cho bà H1 20.000.000 đồng công giới thiệu xin việc. Số tiền còn lại H khai đã đưa cho ông Trần Hữu T, sinh năm 1967 là trưởng phòng nội vụ huyện P thời điểm năm 2017 (hiện đã chết). Ngày 18/11/2022, Vũ Thị H1 đã trả lại 20.000.0000 đồng cho Đỗ Thị Thu H.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2023/HS-ST ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Thị Thu H phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 46; Điều 48; khoản 1 Điều 54; Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Thu H 04 (Bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/6/2023, bị cáo Đỗ Thị Thu H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đỗ Thị Thu H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Bản án sơ

thẩm tuyên xử bị cáo Đỗ Thị Thu H phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 04 năm tù là phù hợp, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ là gia đình bị cáo có công với cách mạng và quá trình công tác bị cáo được tặng nhiều danh hiệu tiên tiến; nên cần chấp nhận một phần kháng cáo cho bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Từ những phân tích và nhận định trên đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị Thu H, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Thu H **03 (ba)** năm tù, về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để khẳng định: Bị cáo Đỗ Thị Thu H là kế toán trường THCS A1, thuộc xã A1, huyện P. Bị cáo không có thẩm quyền trong việc tuyển dụng viên chức đối với ngạch giáo viên. Nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, vì muốn chiếm đoạt tiền của bà Đ nên khi bà Đ đặt vấn đề nhờ xin cho chị H2 vào biên chế giảng dạy tại trường Nguyễn Văn Bé. Bị cáo H đã đưa ra những thông tin không chính xác về việc bị cáo xin được vào biên chế giáo viên cho chị H2. Khi bà Đ tin vào lời hứa của bị cáo và giao cho bị cáo số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) bị cáo đã dùng số tiền trên của bà Đ chi tiêu cho bản thân mà không thực hiện việc lo biên chế cho chị H2 như đã hứa. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đỗ Thị Thu H về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Đỗ Thị Thu H, Hội đồng xét xử thấy: Mức hình phạt 04 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Đỗ Thị Thu H là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã hoàn trả toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại và được bị hại làm đơn xin

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là bố, mẹ bị cáo ông Đỗ Minh Đ, bà Lê Thị P, ông ngoại là Lê Phước Đ1 là người có công với cách mạng; bản thân bị cáo trong quá trình công tác được tặng thưởng danh hiệu lao động tiên tiến. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần giảm cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta. Bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội, mà cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị Thu H, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị Thu H. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2023/HS-ST ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt.

[2] Về tội danh và mức hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Thu H **03 (ba)** năm tù, nhưng cho hưởng án treo về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk, để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về án phí: Bị cáo Đỗ Thị Thu H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS Công an huyện P;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND thị trấn A, huyện P;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hạnh Vân